

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS -ST

Ngày: 13/6/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Dũng
2. Ông Phạm Đức Hoàn.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân - **B** ký Tòa án nhân dân huyện E.

Hôm nay ngày 13/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST- DS ngày 15/01/2019 về việc: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX-ST ngày 13/5/2019 giữa các đ- ong sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A - Sinh năm 1966

Địa chỉ: C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Bà Hà Thị B - Sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn F, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà A, vắng mặt bà B không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị B phải trả nợ số tiền gốc là 50.000.000đ và bà A không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Tại bản tự khai cũng nh các tài liệu khác bà Nguyễn Thị A trình bày:

Mối quan hệ giữa bà và bà Hà Thị B là chỗ chị em quen biết thân tình với nhau nhiều năm. Vào ngày 08/6/2015 bà B có đến nhà hỏi bà vay với số tiền 50.000.000đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ hai bên có thống nhất khi nào bà khó khăn cần tiền thì sẽ báo trước cho bà B 01 tháng để bà B có thời gian thu xếp, mục đích vay là bà B sử dụng việc cá nhân, việc vay tiền này là giữa cá nhân bà và cá nhân bà B, bà là người trực tiếp đưa tiền cho bà B và bà B là người trực tiếp nhận tiền của bà.

Sau đó bà có cần tiền và thông báo trước cho bà B như đã thỏa thuận, nhưng bà B viện ra nhiều lý do để khát nợ; bà B Bồng xuyên vắng mặt tại gia đình, đến

tháng 04/2018 bà **B** có mặt ở gia đình và bà có đến gặp bà **B**, bà **B** trình bày nhiều lý do khó khăn về kinh tế dẫn đến việc trong một thời gian dài không có đủ khả năng trả tiền cho bà. Bà **B** có xin bà cho được trả dần số tiền vay theo từng tháng và bà **B** đi đến thỏa thuận vì bà **B** có lương hưu, nên sẽ dùng tiền lương hưu để trả dần hàng tháng, bà đồng ý như yêu cầu của bà **B**; đồng thời bà cũng nói với bà **B** sẽ để lại cho bà **B** một phần lương hưu để bà **B** có điều kiện chi tiêu cho cuộc sống hàng ngày, bà **B** có viết giấy ủy quyền cho bà nhận lương hưu hàng tháng. Khi đến hạn bà có ra Bưu điện lĩnh lương thì được biết bà **B** đã dùng sổ lương để vay bên Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và bên Ngân hàng đã trừ vào tiền lương của bà **B** nên bà không lấy được tiền lương của bà **B**. Từ đó đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu bà **B** trả nợ, nhưng bà **B** cứ tránh mặt và gặp thì bà **B** chỉ hứa hẹn khất lần mà chưa trả tiền cho bà.

Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị **B** phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000đ, bà không yêu cầu lãi suất đối với số tiền trên.

*Đối với bị đơn bà Hà Thị **B**:* Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Hà Thị **B**, thông báo cho bà **B** ngày, giờ đến Tòa án để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án; hiện bà **B** đang có hộ khẩu **Bờng** trú và sinh sống tại địa phương nhưng bà **B** không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không lấy được lời khai của bà **B**, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa bà **B** cũng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, bà **B** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ^{ợc} thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà Hà Thị **B** đã đ^{ợc} triệu tập hợp lệ lần 2, nh^{ng} bà **B** vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn bà Hà Thị **B**.

[2]Xét quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật điều chỉnh và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung hợp đồng không có thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về thời điểm thanh toán nên hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi theo quy định tại Điều 463; Điều 465; khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị **A** trình bày bà Hà Thị **B** nợ bà số tiền 50.000.000đồng, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà **A**. Đối với bà Hà Thị **B**, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần, nhưng bà **B** không gửi cho Tòa án bản ý kiến

của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **A**, bà **B** cố tình không đến Tòa án để làm việc. Do đó có cơ sở kết luận bà **B** còn nợ bà **A** số tiền 50.000.000đồng.

Quá trình nhận nợ bị đơn là bà Hà Thị **B** không thực hiện đúng cam kết về thời gian trả nợ, bà **B** là ng-ời có lỗi đã vi phạm về thời hạn trả nợ, gây khó khăn cho việc thu hồi công nợ, nhiều lần khất lần không chịu trả. Do đó yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị **A** buộc bà Hà Thị **B** phải trả toàn bộ tiền 50.000.000đồng cho bà là có cơ sở. Đối với lãi suất: Bà **A** không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 50.000.000đồng, nên miễn xét. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị **A** buộc bà Hà Thị **B** phải trả cho bà **A** số tiền gốc là 50.000.000đồng.

[3]Về án phí: Bà **A** khởi kiện đ-ợc Tòa án chấp nhận, do đó bà **A** không phải chịu án phí có giá ngạch về số tiền tranh chấp.

Bà **B** là bị đơn trong vụ kiện, yêu cầu của bà **A** đ-ợc Tòa án chấp nhận, nên buộc bà **B** phải chịu 2.500.000đồng án phí dân sự sơ phẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 465, Điều 468, khoản 1 Điều 469 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban **B**ồng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị **A**.

2- Buộc bà Hà Thị **B** có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị **A** số tiền gốc là 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà **A** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà **B** không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên cho bà **A** thì hàng tháng bà **B** còn phải trả thêm khoản tiền lãi cho bà **A** đối với số tiền vay gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.*

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hà Thị **B** phải chịu 2.500.000đ(*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị **A** số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 1.250.000đ(*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002066 ngày 07/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- VKS ND huyện E;
- Chi cục THA DS huyện E;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm

Nơi nhận:

- Các đơn vị sự;
- VKSND TXSS;
- THA DS TXSS;
- TAND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Lâm